

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

“V/v: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thao

2. Bà Lê Thị Toan.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2020/HNGĐ – ST ngày 02 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Hoàng Sĩ P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn Cát T, xã Mỹ T, huyện Phù M, tỉnh B, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 8, phường P, TP.P, tỉnh G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Đặng Hoàng Sĩ P trình bày:

Tôi và chị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, TP.P, tỉnh G vào năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian, sau đó giữa vợ chồng chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì có nhiều quan điểm trái ngược nhau dẫn đến tình cảm rạn nứt, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung nên chúng tôi đã quyết định sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Đặng Hoàng P; sinh ngày 22/7/2013 và cháu Đặng Hoàng H, sinh ngày 21/10/2016, hiện cháu Đặng Hoàng P đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đặng Hoàng H do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, nên khi ly hôn tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Đặng Hoàng P và giao cháu Đặng Hoàng H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đặng Hoàng P có lời khai tại hồ sơ hiện tại cháu đang sống cùng với ba và bà nội nên cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với ba là anh Đặng Hoàng Sĩ P.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T không không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng Sĩ P.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh G tham gia phiên tòa:

* Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao cháu Đặng Hoàng P sinh ngày 22/7/2013 cho anh Đặng Hoàng Sĩ P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Đặng Hoàng H; sinh ngày 21/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, về nợ chung và tài sản chung: anh P không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đặng Hoàng Sĩ P có đơn yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T, cư trú tại: tổ 8, phường P, TP.P, tỉnh G. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đặng Hoàng Sĩ P và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường P, TP.P, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 21/02/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh P và chị T là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh P cho rằng giữa vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không thể nào có tiếng nói chung, vợ chồng tính cách không hợp nhau, anh chị cũng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Hoàng Sĩ P.

[3] Về con chung: anh P và chị T có 02 con chung là cháu Đặng Hoàng P; sinh ngày 22/7/2013 và cháu Đặng Hoàng H, sinh ngày 21/10/2016, khi ly hôn anh P có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Hoàng P và giao cháu Đặng Hoàng H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào

Cháu Đặng Hoàng P có lời khai tại hồ sơ cháu có nguyện vọng được ở với ba là anh Đặng Hoàng Sĩ P và cũng là nguyện vọng của anh Đặng Hoàng Sĩ P nên chấp nhận yêu cầu này là phù hợp với nguyện vọng của các bên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đề cập đến.

[5] Về án phí: Anh P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hoàng Sĩ P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Hoàng Sĩ P và chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Đặng Hoàng P; sinh ngày 22/7/2013 cho anh Đặng Hoàng Sĩ P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Giao con chung là cháu Đặng Hoàng H; sinh ngày 21/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: anh Đặng Hoàng Sĩ P phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 0005463 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G. Anh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Phù Đồng, TP.Pleiku, Gia Lai.
- (Giấy CNKH số 18 ngày 21/02/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Thị Xuân Hồng